TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019.
V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Ông Trần Vĩnh Ảnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lý Thị Th**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường X, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Trần T** (Trần T1), sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường X, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Th và ông Trần T chung sống vào năm 1995, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2003.

Từ khi chung sống với nhau năm 1995 giữa ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên đi nhậu, bất đồng quan điểm về lối sống, về tính tình, ông T thường xuyên đánh đập bà Th, bà Th đã cố gắng nhường nhịn cho gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả tốt. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Th quyết định ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lý Thị Th và ông Trần T có hai con chung tên Trần Thị Phương Tr (nữ), sinh ngày 13/12/1996, hiện nay cháu Trang đã trưởng thành, có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với con chung tên Trần Thị Phương H (nữ), sinh ngày 30/5/1998, đã trên 18 tuổi nhưng bị bệnh tâm thần, hiện nay do ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Th đồng ý giao cháu H cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không cấp dưỡng cho cháu Hằng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên hòa giải ngày 01/4/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Th về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Vào năm 2016, bà Th hỏi ý kiến và được sự đồng ý của ông T nên bà Th đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương. Đến tháng 10/2017 mẹ ruột của bà Th bệnh, bà Th quay về Sóc Trăng để chăm sóc mẹ ruột của bà Th. Khoảng 4 tháng sau, bà Th đi làm ở tỉnh Bình Dương nhưng bà Th không báo cho ông T hay biết. Trong thời gian làm việc ở tỉnh Bình Dương, bà Th có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông T biết được việc này là do anh nuôi của bà Th báo cho ông T biết. Thời điểm đó, ông T đến tỉnh Bình Dương tìm bà Th để khuyên bà Th về chung sống với ông T nhưng bà Th tránh mặt ông T, sau đó thì bà Th về sinh sống tại tỉnh Đồng Nai. Khoảng cuối năm 2018, thì bà Th về Sóc Trăng sống tại địa chỉ: Số A, đường X, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Vào ngày 04/02/2019, trong lúc ông T đi nhậu với bạn bè thì bà Th mở tủ lấy sổ hộ khẩu gia đình và giấy tờ đất đem qua xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để đưa cho một người tên T2, là người có mối quan hệ tình cảm với bà Th. Cùng ngày 04/02/2019, con của ông T và bà Th tên là Trần Thị Phương Tr đến xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để lấy sổ hộ khẩu và giấy tờ đất đem về nhà. Ngày hôm sau, bà Th về nhà tại địa chỉ: Số A, đường X, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để tiếp tục lấy lại sổ hộ khẩu và giấy tờ đất nêu trên, ông T ngăn cản không

cho bà Th đem đi nên ông, bà cãi nhau, do bà Th có lời lẽ xúc phạm ông T nên ông T có đánh bà Th và có lần ông T đã dùng dao để cắt tóc bà Th, thời điểm đó có sự chứng kiến của anh ruột bà Th. Ông T và bà Th đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Trường hợp bà Th đồng ý giao toàn bộ tài sản cho ông T thì ông T sẽ đồng ý ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Trần T và bà Lý Thị Th có hai con chung tên Trần Thị Phương Tr (nữ), sinh ngày 13/12/1996, Trần Thị Phương H (nữ), sinh ngày 30/5/1998, hiện nay con chung tên Trần Thị Phương Tr đã trên 18 tuổi và có việc làm ổn định; Đối với con chung tên Trần Thị Phương H đã trên 18 tuổi nhưng bị bệnh tâm thần, hiện nay do ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn thì ông T đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Phương H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng cho cháu H.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Th và ông Trần T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn, theo bà Th là do bất đồng quan điểm về lối sống, về tính tình, ông T thường xuyên đánh đập bà Th, có lần ông T còn cắt tóc bà Th. Ông T cũng thừa nhận có đánh bà Th, có cắt tóc bà Th vì bà Th có những lời lẽ xúc phạm ông T và gia đình ông T, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và đã lén lấy giấy tờ nhà đem cho một người tên T2, do mâu thuẫn trầm trọng nên ông T có dùng dao cắt tóc bà Th và đánh bà Th. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến

nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th cho bà Th được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lý Thị Th và ông Trần T có hai con chung tên Trần Thị Phương Tr (nữ), sinh ngày 13/12/1996, Trần Thị Phương H (nữ), sinh ngày 30/5/1998, hiện nay cả hai người đều đã trưởng thành nên bà Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con. Ông T trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T và bà Th ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Phương H vì cháu H bị bệnh tâm thần, hiện nay do ông T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy cháu H đã thành niên nhưng đang bị bệnh không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị Th và ông Trần T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị Th và ông Trần T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Lý Thị Th phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã phân tích, nhận định nêu trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thị Th với ông Trần T.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Phương H (nữ), sinh ngày 30/5/1998.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị Th không cấp dưỡng cho cháu H.

Bà Lý Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên cháu Trần Thị Phương H (nữ), sinh ngày 30/5/1998 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Trần Thị Phương Tr (nữ), sinh ngày 13/12/1996 đã đủ tuổi trưởng thành, có việc làm ổn định. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Lý Thị Th và ông Trần T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị Th và ông Trần T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lý Thị Th và ông Trần T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lý Thị Th phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004943 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Th đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường N, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thanh Loan